

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 309/2020/DS-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - *Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2020/QĐXX-DS ngày 17/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2020/QĐ-HPT ngày 03/09/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B, phường Đ, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: 1. Ông Trịnh A, sinh năm 1970;

2. Bà Nguyễn Th, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Số B đường L, Phường Đ, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A đường T, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày: Ngày 19/3/2016 do là chỗ quen biết vợ chồng ông có cho vợ chồng ông Trịnh A và bà Nguyễn Th mượn số tiền 10.000.000, cho mượn để giúp đỡ vợ chồng ông A, bà Th chuộc lại sổ hộ khẩu gia đình. Khi cho vay không làm giấy nợ. Hẹn trả trong thời hạn 1 tháng, nhưng từ đó đến nay không trả. Đến ngày 16/3/2018 vợ chồng ông gặp được bà Th gần Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, vợ chồng ông đã yêu cầu trả nợ, nhưng bà Th không có khả năng trả nợ, nên ghi giấy mượn tiền hẹn trả trong thời hạn 5 tháng, mỗi tháng trả vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn bắt đầu trả nợ là ngày 15/4. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng ông A, bà Th vẫn không trả nợ. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông A, bà Th trả một lần số tiền cả gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất, trong các buổi hòa giải nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10.5%/năm từ ngày 16/8/2018 đến ngày 16/9/2020 là tròn 25 tháng, như vậy lãi suất một tháng là 0.87%/tháng là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 0.87\%/\text{tháng}) \times 25 \text{ tháng} = 2.175.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 12.175.000 đồng. Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 16/8/2018 đến ngày 16/9/2020 là tròn 25 tháng, như vậy số tiền lãi là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \text{ tháng}) \times 25 \text{ tháng} = 2.075.000 \text{ đồng}$, tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 12.075.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ ngày 17/8/2020 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Trịnh A và bà Nguyễn Th đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa để ghi lời khai vào ngày 13/7/2020, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/7/2020 và ngày 17/8/2020, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03/9/2020 nhưng ông A, bà Th vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị V trình bày: Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông L, số tiền 10.000.000 đồng cho vợ chồng ông A, bà Th vay là tiền chung của hai vợ chồng. Nên bà yêu cầu vợ chồng ông A, bà Th trả nợ số tiền cả gốc và lãi 12.075.000 đồng, trả một lần số tiền cả gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp :

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa ông Nguyễn Hoàng L và ông Trịnh A, bà Nguyễn Th nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, như về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng quan hệ tranh chấp, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự giải quyết vụ án từ việc ghi lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vắng mặt bị đơn, gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Hoàng L khởi kiện ông Trịnh A và bà Nguyễn Th về hợp đồng vay tài sản, Theo kết quả xác minh của công an Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện ông Trịnh A và bà Nguyễn Th có hộ khẩu thường trú tại số tại số 631/37/10 đường Lê Đức Thọ, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đã bán nhà từ năm 2019, đi đâu không rõ. Việc ông A, bà Th có thay đổi địa chỉ mà không khai báo với chính quyền địa phương, cũng như không báo nguyên đơn thì được xem như ông A, bà Th đã che giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông A, bà Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, giấy vay tiền ngày 16/3/2018 và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện; Tại giấy mượn tiền ghi ngày 16/3/2018 nội dung có ghi bà Nguyễn Th có mượn của ông Nguyễn Hoàng L số tiền là 10.000.000 đồng, hứa trả trong thời hạn 5 tháng, ngày trả là 15/4 hàng tháng, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy do có sự quen biết nên năm 2016 khi ông L, bà V cho vợ chồng A bà Th vay tiền không ghi giấy nợ, đến ngày 16/3/2018, bà Th làm giấy xác nhận có mượn số tiền 10.000.000 đồng và ghi giấy mượn tiền, giấy này không thỏa thuận lãi suất. Nay ông L, bà V xác định đây là tài chung của vợ chồng, ông bà nên yêu cầu vợ chồng ông A, bà Th trả một lần số tiền cả gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm hết hạn ông A, bà Th hứa trả nợ trong thời hạn 5 tháng nhưng không trả được nợ. Trong các lần hòa giải Ông L, bà V yêu cầu tính lãi suất 10.5%/năm từ ngày 16/8/2018 đến ngày 16/9/2020 là tròn 25 tháng, như vậy lãi suất một tháng là 0.87%/tháng là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 0.87\%/\text{tháng}) \times 25 \text{ tháng} = 2.175.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 12.175.000 đồng. Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 16/8/2018 đến ngày 16/9/2020 là tròn 25 tháng, như vậy số tiền lãi là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \text{ tháng}) \times 25 \text{ tháng} = 2.075.000 \text{ đồng}$, tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 12.075.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền lãi suất của nguyên đơn yêu cầu chưa vượt quá mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự là 10%/năm của khoản vay, nên yêu cầu về trả gốc lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2018);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L với bị đơn ông Trịnh A và bà Nguyễn Th.

2. Buộc ông Trịnh A và bà Nguyễn Th có trách nhiệm trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Huỳnh Thị V số nợ cả gốc và lãi là 12.175.000 đồng (Mười hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L, bà V không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 17/9/2020 đến ngày xét xử đối với số nợ trên.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên ông L không phải chịu án phí được hoàn lại số tiền 358.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0026355 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông Trịnh A và bà Nguyễn Th phải chịu án phí là 608.750 đồng.

Ông Trịnh A, bà Nguyễn Th phải chịu án phí 608.750 đồng.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2018); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;

TÒA

- VKSNDTP.HCM;

- VKSNDQGV;

- CCTHADS QGV;

- Các đương sự;

- Lưu VP, HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Chu Thị Bình